First class EBA shredders protect your secrets



Model overview / Document shredders

TIÊU CHUẨN ISO/IEC 21964

NEW ISO/IEC 21964

Tiêu chuẩn DIN 66399 được áp dụng ở Đức từ năm 2012, quy định về việc bảo vệ dữ liệu trong quá trình kinh doanh. Việc hủy dữ liệu hiện cũng đã được chuẩn hóa toàn cầu trong tiêu chuẩn ISO/ IEC 21964 mới.
DIN 66399, which has been applicable in Germany since 2012, regulates data protection in business processes. The destruction of data has now also been globally standardised in the new ISO/IEC 21964.

Có thể xác định mức độ bảo mật theo tiêu chuẩn DIN hoặc ISO với 3 cấp độ: nội bộ, bí mật và rất bí mật.
You can easily determine the level of security you require in accordance with DIN or ISO by first identifying a protection class and then the appro priate security level.

■ Phân Loại Cấp 1 - Classification level 1

Khuyên dùng cho dữ liệu nội bộ với mức độ nhạy cảm bình thường.
Cấp độ bảo mật P-1, P-2, P-3
Normal sensitivity for internal data.
Security levels P-1, P-2, P-3

■ Phân Loại Cấp 2 - Classification level 2

Khuyên dùng cho tài liệu có thông tin bí mật.
Cấp độ bảo mật P-3, P-4, P-5
High sensitivity for confidential data.
Security levels P-3, P-4, P-5

■ Phân Loại Cấp 3 - Classification level 3

Khuyên dùng cho tài liệu có thông tin cực kỳ bí mật.
Cấp độ bảo mật P-4, P-5, P-6, P-7
Very high sensitivity for particularly confidential and secret data.
Security levels P-4, P-5, P-6, P-7

*Không áp dụng cho dữ liệu cá nhân
*Does not apply to personal data

I.T.E. Listed 802 D

P-2



DỮ LIỆU NỘI BỘ
INTENAL DATA

*Chiều rộng dải cắt: 6mm
strip cut width: 6mm

P-3



DỮ LIỆU NHẠY CẢM VÀ PHỨC TẠP
SENSITIVE AND CONFIDENTIAL DATA

***Kích thước cắt: 6 x 50mm**
cross cut size: 6 x 50mm

P-4



DỮ LIỆU ĐẶC BIỆT NHẠY CẢM VÀ BÍ MẬT
PARTICULARY SENSITIVE AND CONFIDENTIAL DATA

*Kích thước cắt: 4 x 40mm
cross cut size: 4 x 40mm

P-5



DỮ LIỆU BUỘC PHẢI GIỮ BÍ MẬT
DATA MUST KEEP SECRET

*Kích thước cắt: 2 x 15mm
cross cut size: 2 x 15mm

P-6



DỮ LIỆU BÍ MẬT PHẢI BẢO MẬT CAO
HIGH SERCRET - SERCURITY DATA

*Kích thước cắt: 0.8 x 12mm
micro cut size: 0.8 x 12mm

P-7

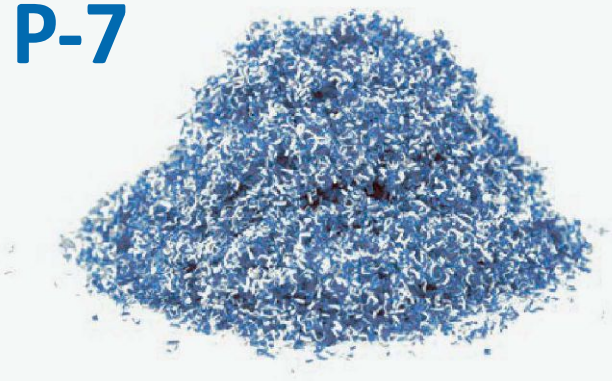

DỮ LIỆU BÍ MẬT PHẢI BẢO MẬT CAO
TOP SERCRET

*Kích thước cắt: 0.8 x 5mm
micro cut size: 0.8 x 5mm

Dòng máy nhỏ
Deskside shredders

www.blauer-engel.de/uz174

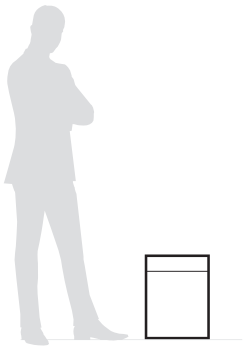







	Shredcat 8100*		Shredcat 8200		EBA 1126		
Phiên bản | Model version	CC		CC	CC	1126S	1126C	1126C
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width, mm	5 x 30	4	4 x 40	2 x 12	4	3 x 25	2 x 15
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	220	220	220	220	220	220	220
Kiểu hủy | Shredder type	Hủy vụn / cross cut	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy giấy A4 70 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	10-12	16-18	14-16	11-13	11-13	6-7	4-5
Khả năng hủy giấy A4 80 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	8-10	14-16	12-14	10-12	9-11	5-6	3-4
Độ bảo mật | Security level ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-4	P-2	P-4	P-5	P-2	P-4	P-5
Có thể hủy thêm | Shreds also	📎 💳	📎 💳	📎 💳	📎 💳	📎 💳	📎	📎
Hủy giấy có kẹp giấy | Paper clip proof solid steel cutting shafts						✓	
Bảo hành lưỡi cắt 10 năm | Cutting shaft warranty for 10 years						✓	
Tự động tra dầu | Automatic oiler						-	
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec.	0.03	0.03	0.03	0.03	0.05	0.06	0.06
Thể tích thùng chứa bên ngoài (lít) | Volume of cabinet in litres						-	
Thể tích thùng chứa giấy (lít) | Shred bin volume in litres	20		21			20	
Nguồn điện, V / Hz (1 pha)[1] | Power connection, volts / Hz (single phase)[1]	230 / 50 / 1~		230 / 50 / 1~			230 / 50 / 1~	
Công suất mô tơ (đầu vào định mức), W | Motor capacity (rated input), W	144**	185**	220**	360**		150	
Tự động chạy/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	•		•			✓	
Điều khiển | Control element	Công tắc bập bênh / rocker switch		Công tắc bập bênh / rocker switch			EASY TOUCH	
Hệ thống kiểm soát hủy thông minh | SSC – Smart Shred Control						-	
Nắp bảo vệ tại khe nạp giấy | Patented safety flap in the feed opening						Cơ / mechanical	
Tự động đảo chiều / dừng khi quá tải | Automatic reverse / cut-off							
Chức năng đảo chiều | Reverse function	-		•				
Tự động dừng khi thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	-		-			-	
Cảm biến bảo vệ cửa | Electronic door protection						-	
Tự động ngắt khi lấy thùng chứa ra | Automatic shut-off on emptying the shred bin	•		•				
Bảo vệ mô tơ | Motor protection	•		•				
Bảo vệ mô tơ kép | Double motor protection						✓	
Tự động ngắt nguồn | Automatic power shut-off	-		-				
Chế độ chờ ZERO ENERGY | ZERO ENERGY standby mode						✓	
Chứng nhận tiết kiệm điện "Blue Angel" | "Blue Angel" high energy efficiency						✓	
Bánh xe di chuyển | Mobile on castors	-		-			-	
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions, mm (H × W × D)	395 x 310 x 195		425 x 348 x 215			428 x 345 x 213	
Khối lượng (kg) | Weight, kg	4.1	6.8	7.5	7.5		6.5	

💳 Thẻ tín dụng | *Credit cards*
💿 Đĩa CDs - DVDs | *CDs / DVDs*
📎 Ghim bấm | *Staples*

[1] Với điệu kiện hủy bình thường | *With normal cancellation conditions*
[2] Thùng chứa thân thiện với môi trường có thể lồng bao chứa bên ngoài | *Environmentally friendly containers that can be stored outside*
[3] Điện thế có thể thay đổi được | *Voltage can be changed.*

Shreds automatically: SHREDCAT Auto-Feed.

NEW



Easy feeding of up to 350* sheets



Auto-feed flap for feeding paper stacks

Auto-feed shredder EBA Shredcat 8292.

Dòng máy nhỏ
Deskside shredders

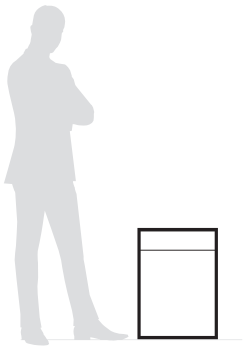



Shredcat 8291



Shredcat 8292

Phiên bản | Model version	**CC**	**CC**
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width, mm	4 x 10	4 x 10
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	220	220
Kiểu hủy | Shredder type	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy giấy A4 70 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	Tối đa 150 tự động hoặc 8 thủ công / Up to 150 automatic or up to 8 manual	Tối đa 200 tự động hoặc 10 thủ công / Up to 200 automatic or up to 10 manual
Khả năng hủy giấy A4 80 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	Tối đa 150 tự động hoặc 8 thủ công / Up to 150 automatic or up to 8 manual	Tối đa 200 tự động hoặc 10 thủ công / Up to 200 automatic or up to 10 manual
Độ bảo mật | Security level ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-4	P-4
Có thể hủy thêm | Shreds also	🖇 🖴	🖇 🖴
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec.	0.03	0.03
Thể tích thùng chứa giấy (lít) | Shred bin volume in litres	21	26
Nguồn điện, V / Hz (1 pha) | Power connection, volts / Hz (single phase)	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~
Công suất mô tơ (đầu vào định mức), W | Motor capacity (rated input), W	220**	276**
Tự động chạy/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	•	•
Điều khiển | Control element	Nút nhấn / push buttons	Nút nhấn / push buttons
Chức năng đảo chiều | Reverse function	•	•
Tự động dừng khi thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	•	•
Tự động ngắt khi lấy thùng chứa ra | Automatic shut-off on emptying the shred bin	•	•
Bảo vệ mô tơ | Motor protection	•	•
Tự động ngắt nguồn | Automatic power shut-off	-	Sau 15 phút không hoạt động / After 15 minutes of inactivity
Bánh xe di chuyển | Mobile on castors	•	•
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions, mm (H × W × D)	548 x 360 x 235	594 x 373 x 255
Khối lượng (kg) | Weight, kg	10.1	11.6

Dòng máy trung
Office Shredders

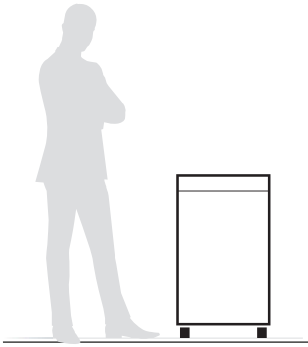



EBA 1624



EBA 2127

Tên sản phẩm | Model	1624S	1624C	1624C	1624CC	1624CCC	2127 S	2127 C	2127 C
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width, mm	4	4 x 40	2 x 15	0.8 x 12	0.8 x 5	4	4 x 40	2 x 15
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	240	240	240	240	240	260		
Kiểu hủy | Shredder type	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy giấy A4 70 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	19-21	13-15	10-12	4-6	4-5	21-23	16-18	10-12
Khả năng hủy giấy A4 80 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	16-18	11-13	8-10	3-5	3-4	18-20	13-15	8-10
Độ bảo mật DIN 66399 | Security ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-2	P-4	P-5	P-6	P-7	P-2	P-4	P-5
Có thể hủy thêm | Shreds also	✎ ▭ ◎	✎ ▭	✎ ▭	-	-	✎ ▭ ◎	✎ ▭	✎ ▭
Hủy giấy có kẹp giấy | Paper clip proof solid steel cutting shafts	✓					✓		
Bảo hành lưỡi cắt 10 năm | Cutting shaft warranty for 10 years	✓					✓		
Tự động tra dầu | Automatic oiler	-	Tùy chọn / optional	Tùy chọn / optional	Tùy chọn / optional	Tùy chọn / optional	-		
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec.	0.07	0.06	0.06	0.07	0.07	0.09	0.10	0.10
Thể tích thùng chứa bên ngoài (lít) | Volume of cabinet in litres	50	50	50	50	50	100		
Thể tích ngăn chứa giấy bên trong (lít) | Shred bin volume in litres	35	35	35	35	35	75		
Nguồn điện, V / Hz (1 pha) | Power connection, volts / Hz (single phase)	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~	230 / 50 / 1~		
Công suất mô tơ (W) | Motor capacity, W	390					580		
Tự động chạy/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	✓					✓		
Điều khiển | Control element	EASY TOUCH					EASY SWITCH		
Hệ thống bảo vệ an toàn SPS | SSC – Smart Shred Control	✓					✓		
Nắp bảo vệ | Patented safety flap in the feed opening	Điện / electronic					Điện / electronic		
Tự động đảo chiều / dừng khi quá tải | Automatic reverse / cut-off	✓					✓		
Tự động dừng khi thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	✓					✓		
Cảm biến cửa | Electronic door protection	✓					✓		
Bảo vệ mô tơ kép | Double motor protection	✓					✓		
Chế độ chờ ZERO ENERGY | ZERO ENERGY standby mode	✓					✓		
Chứng nhận tiết kiệm điện “Blue Angel” | “Blue Angel” high energy efficiency	✓					✓		
Bánh xe di chuyển | Mobile on castors	✓					✓		
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions, mm (H × W × D)	635 x 395 x 291					870 x 500 x 377		
Khối lượng (kg) | Weight, kg	21					30	30.5	30.5

Dòng máy trung
Office Shredders

www.blauer-engel.de/uz174

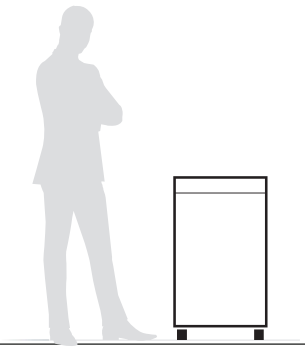



EBA 2331



EBA 3340

Tên sản phẩm | Model	2331 S	2331 C	2331 C	2331 CCC	3340 S	3340 C	3340 C	3340 CCC
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width, mm	4	4 x 40	2 x 15	0.8 x 5	6	4 x 40	2 x 15	0.8 x 5
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	310				400			
Kiểu hủy | Shredder type	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy giấy A4 70 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	30-32	25-27	15-17	9-10	43-45	34-36	16-18	8-9
Khả năng hủy giấy A4 80 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	26-28	21-23	13-15	8-9	37-39	30-32	13-15	7-8
Độ bảo mật DIN 66399 | Security ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-2	P-4	P-5	P-7	P-2	P-4	P-5	P-7
Có thể hủy thêm | Shreds also				-				-
Hủy giấy có kẹp giấy | Paper clip proof solid steel cutting shafts	✓				✓	✓	✓	-
Bảo hành lưỡi cắt 10 năm | Cutting shaft warranty for 10 years	✓				✓	✓	✓	-
Tự động tra dầu | Automatic oiler	-	✓	✓	✓	-	Tùy chọn / optional	Tùy chọn / optional	Cơ bản / standard
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec.	0.08	0.10	0.10	0.09	0.11	0.08	0.10	0.15
Thể tích thùng chứa bên ngoài (lít) | Volume of cabinet in litres	140				200			
Thể tích ngăn chứa giấy bên trong (lít) | Shred bin volume in litres	120				165			
Nguồn điện, V / Hz (1 pha) | Power connection, volts / Hz (single phase)	230 / 50 / 1~				230 / 50 / 1~			
Công suất mô tơ (W) | Motor capacity, W	640	640	640	1300	1300			
Tự động chạy/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	✓				✓			
Điều khiển | Control element	EASY SWITCH				EASY-SWITCH			
Hệ thống bảo vệ an toàn SPS | SSC – Smart Shred Control	✓				✓			
Nắp bảo vệ | Patented safety flap in the feed opening	Điện / electronic				Điện / electronic			
Tự động đảo chiều / dừng khi quá tải | Automatic reverse / cut-off	✓				✓			
Tự động dừng khi thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	✓				✓			
Cảm biến cửa | Electronic door protection	✓				✓			
Bảo vệ mô tơ kép | Double motor protection	✓				✓			
Chế độ chờ ZERO ENERGY | ZERO ENERGY standby mode	✓				✓			
Chứng nhận tiết kiệm điện "Blue Angel" | "Blue Angel" high energy efficiency	✓				✓			
Bánh xe di chuyển | Mobile on castors	✓				✓			
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions, mm (H × W × D)	930 x 538 x 470				945 x 640 x 550			
Khối lượng (kg) | Weight, kg	52				75			

www.blauer-engel.de/uz174

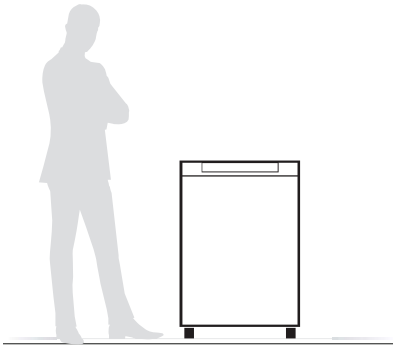



EBA 5131



EBA 5141

Tên sản phẩm | Model	5131 C	5131 C	5131 CCC	5141 S	5141 C	5141 C	5141 CC	5141 CCC
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width, mm	4 x 40	2 x 15	0.8 x 5	6	4 x 40	2 x 15	0.8 x 12	0.8 x 5
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	310			405	405	405	405	405
Kiểu hủy | Shredder type	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy giấy A4 70 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	40-45	25-30	11-12	50-55	40-45	25-30	15-17	12-13
Khả năng hủy giấy A4 80 g/m² (tờ) | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	34-39	21-26	9-10	42-47	34-39	21-26	13-15	11-12
Độ bảo mật DIN 66399 | Security ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-4	P-5	P-7	P-2	P-4	P-5	P-6	P-7
Có thể hủy thêm | Shreds also			-				-	-
Hủy giấy có kẹp giấy | Paper clip proof solid steel cutting shafts	✓	✓	-	✓	✓	✓	-	-
Bảo hành lưỡi cắt 10 năm | Cutting shaft warranty for 10 years	✓	✓	-	✓	✓	✓	-	-
Tự động tra dầu | Automatic oiler	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec.	0.15	0.15	0.15	0.19	0.15	0.15	0.15	0.15
Thể tích thùng chứa bên ngoài (lít) | Volume of cabinet in litres	180			210				
Thể tích ngăn chứa giấy bên trong (lít) | Shred bin volume in litres	140			165				
Nguồn điện, V / Hz (1 pha) | Power connection, volts / Hz (single phase)	230 / 50 / 1~			230 / 50 / 1~				
Công suất mô tơ (W) | Motor capacity, W	1600			1600				
Tự động chạy/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	✓			✓				
Điều khiển | Control element	EASY SWITCH			EASY SWITCH				
Hệ thống bảo vệ an toàn SPS | SSC – Smart Shred Control	✓			✓				
Nắp bảo vệ | Patented safety flap in the feed opening	Điện / electronic			Điện / electronic				
Tự động đảo chiều / dừng khi quá tải | Automatic reverse / cut-off	✓			✓				
Tự động dừng khi thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	✓			✓				
Cảm biến cửa | Electronic door protection	✓			✓				
Bảo vệ mô tơ kép | Double motor protection	✓			✓				
Chế độ chờ ZERO ENERGY | ZERO ENERGY standby mode	✓			✓				
Chứng nhận tiết kiệm điện “Blue Angel” | “Blue Angel” high energy efficiency	✓			✓				
Bánh xe di chuyển | Mobile on castors	✓			✓				
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions, mm (H × W × D)	1020 x 548 x 590			1010 x 640 x 590				
Khối lượng (kg) | Weight, kg	102			115				

Dòng máy công suất cao
High capacity shredders

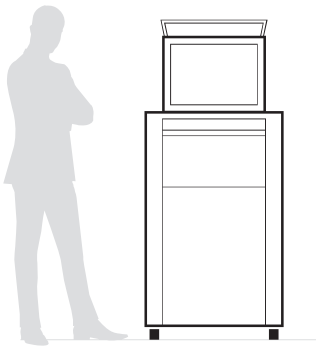



EBA 5300



EBA 5346

Tên sản phẩm | Model	5300 C	5300 C*	5300 C	EBA 5346C	EBA 5346C	EBA 5346C
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width (mm)	6 x 50	4 x 40	2 x 15	6 x 50	4 x 40	2 x 15
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	460	460	460	460	460	460
Kiểu hủy | Shred type	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy với giấy A4 70 g/m² | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	85-95	65-75	35-45	85-95	65-75	35-45
Khả năng hủy với giấy A4 80 g/m² | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	74-83	56-65	30-39	74-83	56-65	30-39
Độ bảo mật DIN 66399 | Security ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-3	P-4	P-5	P-3	P-4	P-5
Có thể hủy (Thẻ; CD; đĩa mềm) | Shreds also	▭ ◎ 🖫	▭ ◎ 🖫	▭ ◎ 🖫	▭ ◎ 🖫	▭ ◎ 🖫	▭ ◎ 🖫
Cắt được kim loại mềm | Shred head takes soft metal objects	✓			✓		
Bảo hành lưỡi dao cắt | Guarantee on the cutting shafts	2 năm / 2 Years			2 năm / 2 Years		
Tự động tra dầu | Oil injection on the cutting shafts	Tự động / Automatic			Tự động / Automatic		
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec	0.17			0.17		
Loại thùng chứa giấy vụn | Shred collection in	Thùng chứa di động / Mobile shred bin			Thùng chứa di động / Mobile shred bin		
Thể tích ngăn chứa giấy bên trong (lít) | Capacity for shreds (Litres)	230			230		
Nguồn điện, V / Hz (3 pha) | Power connection, volts / Hz (Three phase)	400 / 50 / 3~			400 / 50 / 3~		
Công suất mô tơ (kW) | Motor capacity (kW)	2.2			2.2		
Tự động hoạt động/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	✓			✓		
Điều khiển | Control element	Nút bấm / EASY-SWITCH			Nút bấm / EASY-SWITCH		
Sáng đèn tự động | Illumination of the work area	✓			✓		
Tự động quay ngược / tự động dừng | Automatic reverse / cut-off	✓			✓		
Tự động dừng nếu thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	✓			✓		
Cảm biến cửa | Electronic door protection	✓			✓		
* Cảm biến mô tơ kép (Bảo vệ động cơ bị quá tải) | Double motor protection	✓			✓		
Chế độ chờ sau 30 phút | Automatic standby after 30 minutes	∞			∞		
Bánh xe di chuyển | Movable on castors	✓			✓		
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions (mm - H × W × D)	1230 x 740 x 765			1700 x 740 x 765		
Khối lượng (kg) | Weight (kg)	244			253		
Phụ kiện (tùy chọn) | Accessories (Optional): - Băng tải vận chuyển giấy đã hủy | Modular conveyor belt system - Thêm xe chứa giấy đã hủy | Second shred trolley	-			-		

Dòng máy công suất cao
High capacity shredders

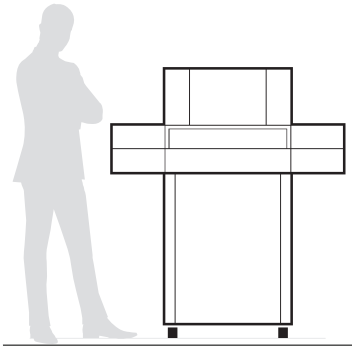



EBA 6340



EBA 7050

Tên sản phẩm | Model	6340 S	6340 C	6340 C	6340 C	7050-2C	7050-3C
Kích thước sợi hủy (mm) | Shred width (mm)	6	6 x 50	4 x 40	2 x 15	8 x 40 - 80	6 x 50
Bề rộng đầu vào (mm) | Feed opening, mm	410	410	410	410	500	500
Kiểu hủy | Shred type	Hủy sợi / strip cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut	Hủy vụn / cross cut
Khả năng hủy với giấy A4 70 g/m² | Performance in sheets, A4 paper 70 g/m²	100-120	85-100	65-75	43-48	600-700	300-400
Khả năng hủy với giấy A4 80 g/m² | Performance in sheets, A4 paper 80 g/m²	87-105	74-87	56-65	37-42	500-600	250-350
Độ bảo mật DIN 66399 | Security ISO / IEC 21964 (DIN 66399)	P-2	P-3	P-4	P-5	P-2	P-3
Có thể hủy (Thẻ; CD; đĩa mềm / bìa hồ sơ) | Shreds also	⊟ ⊙ 🖫	⊟ ⊙ 🖫	⊟ ⊙ 🖫	⊟ ⊙ 🖫	🖫 ▥	🖫 ▥
Cắt được kim loại mềm | Shred head takes soft metal objects	✓				✓	
Bảo hành lưỡi dao cắt | Guarantee on the cutting shafts	2 năm / 2 years				2 năm / 2 years	
Tự động tra dầu | Oil injection on the cutting shafts	Tự động / Automatic				Bằng tay / Manual	
Tốc độ hủy (m/giây) | Shred speed, m/sec	0.26				0.21	
Loại thùng chứa giấy vụn | Shred collection in	Sử dụng túi nhựa dùng 1 lần / Suspension for disposable plastic bags with pull-out mechanism on wheels				Thùng chứa xe đẩy / Shred trolley	
Thể tích ngăn chứa giấy bên trong (lít) | Capacity for shreds (Litres)	300				300	
Nguồn điện, V / Hz (3 pha) | Power connection, volts / Hz (Three phase)	400 / 50 / 3~				400 / 50 / 3~	
Công suất mô tơ (kW) | Motor capacity (kW)	4				9.0 (4.5x2)	
Tự động hoạt động/dừng nhờ cảm biến quang | Automatic start/stop via photo cell	-				-	
Điều khiển | Control element	EASY-SWITCH				Bảng điều khiển với các nút nhấn / Panel with push buttons	
Sáng đèn tự động | Illumination of the work area	✓				✓	
Tự động quay ngược / tự động dừng | Automatic reverse / cut-off	✓				✓	
Tự động dừng nếu thùng chứa đầy | Automatic cut-off if shred bin is full	✓				✓	
Cảm biến cửa | Electronic door protection	✓				✓	
* Cảm biến mô tơ kép (Bảo vệ động cơ bị quá tải) | Double motor protection	✓				✓	
Chế độ chờ sau 30 phút | Automatic standby after 30 minutes	∞				∞	
Bánh xe di chuyển | Movable on castors	✓				✓	
Kích thước, mm (Cao × Rộng × Sâu) | Dimensions (mm - H × W × D)	1440 x 1240 / 690² x 1700				1714 x 1036 x 2170 / 3070²	
Khối lượng (kg) | Weight (kg)	357				1130	
Phụ kiện (tùy chọn) | Accessories (Optional): - Băng tải vận chuyển giấy đã hủy | Modular conveyor belt system - Thêm xe chứa giấy đã hủy | Second shred trolley	-				✓	

EBA

NEOSYS

across asean, since 2003

Xuất xứ & Phân phối / Origin & Distributor

Products imported from Germany, distributed by NEOSYS VIETNAM

CÔNG TY | COMPANY NAME

NEOSYS VIETNAM COMPANY LIMITED

Trụ sở & Showroom / HQ & Showroom	:	No. 52, Street 17, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh city, Vietnam
Điện thoại HCM / Tel (HCM)	:	(+8428) 2253 2772 | 2253 2773
Văn phòng Hà Nội / Hanoi Office	:	No.12, Simco Alley, Tu Liem Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
Điện thoại Hà Nội / Tel (Hanoi)	:	(+8424) 6666 8117 | 6666 7117
Email	:	info@neosys-vietnam.com.vn
Website	:	www.neosys-vietnam.com.vn
Hotline	:	**0902 886 117**